CÁC EM ĐỌC KĨ LÝ THUYẾT TRƯỚC KHI LÀM BÀI NHÉ.

1. Phát âm s/es:

1-Danh từ tận cùng là: TH,P, K, F,T (thời phong kiến fương tây) – phát âm **/S/**

2-Danh từ tận cùng là: CE,S,X,SH,CH,Z,GE (chị em sắm xe sh chạy zô ge)- phát âm **/IZ/**

3- Các trường hợp CÒN LẠI: PHÁT ÂM /Z/

2-Cách thêm S/ES VÀO danh từ

1. Cách thêm và phát âm "s, es, ves, ies" ở cuối danh từ số nhiều

Danh từ tận cùng là:	Thêm	Đọc	Ví dụ
o	es	/z/	tomatoes, potatoes, heroes
y (trước y là phụ âm)	ies	/z/	city → cities, family →families, lady → ladies
f, fe	ves	/z/	life→ lives, shelf→ shelves,
s, x, ch, sh, ge, z, ce	es	/iz/	buses, boxes, buzzes, churches, wishes, sentences, changes

BÀI TẬP:

***Exercise (1):* Choose the word that has underlined letter(s) pronounced differently from that of the others.**

1. A. sentences	B. churches	C. benches	D. planes
2. A. students	B. competitions	C. teams	D. roads
3. A. maps	B. coats	C. desks	D. posters
4. A. notes	B. lakes	C. volcanoes	D. earthquakes
5. A. typhoons	B. raincoats	C. boats	D. desks
6. A. notebooks	B. books	C. cups	D. pens
7. A. maps	B. cookers	C. storms	D. beds
8. A. toilets	B. lamps	C. sinks	D. fridges
9. A. tornadoes	B. toothbrushes	C. watches	D. buses
10. A. notebooks	B. lips	C. lights	D. erasers

LIVEWORKSHEETS